

Thị trường thực phẩm chế biến (bánh kẹo) và hướng tiếp cận

Phạm Khắc Tuyên
Bí thư thứ nhất

Trưởng Văn phòng Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Seoul, 9/2021

Nội dung

- 01 Tổng quan về thị trường**
- 02 Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc**
- 03 Kênh lưu thông phân phối**
- 04 Đặc tính tiêu dùng**
- 05 Các vấn đề chính cần lưu ý**
- 06 Một số thông tin hữu ích**

Kim ngạch và tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng nông thủy sản và thực phẩm chế biến của Hàn Quốc từ Việt Nam

Đơn vị: 1,000USD / %

Mặt hàng	Mô tả mặt hàng	2019		2020		2020 NK của Hàn Quốc	
		Giá trị	Tăng/ giảm	Giá trị	Tăng/ giảm	Giá trị	Tỷ trọng
	Total	1,140,521	-11,1	1,179,123	3,38	28,986,273	4,1
Thịt	Thịt và phụ phẩm dạng thịt	269	0	493	83	4,966,835	0
Thủy sản tươi sống	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	583,667	-9,8	557,816	-4,4	4,575,459	12,2
Trứng, sữa	Trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm từ động vật	130	-31,3	88	-32,8	1,093,569	0
Rau quả tươi	Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	38,732	-16,1	60,103	55,2	692,559	8,7
	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	40,711	4,4	49,781	22,3	1,666,740	3,0
Cà phê, chè, gia vị	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	77,265	-6,1	77,884	0,8	836,019	9,3
Ngũ cốc và phụ phẩm	Ngũ cốc	3,991	-95,2	54,373	1262,4	3,761,206	1,4
	Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	9,748	-7,9	7,821	-19,8	263,775	3,0
	Hạt dầu và quả có dầu; các loại hạt, hạt giống và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cỏ khô	8,665	55	3,193	-63,1	1,551,174	0,2
Bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc	Đường và các loại mứt, kẹo có đường	12,174	-22,9	11,885	-2,4	1,098,654	1,1
	Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	794	-23,2	864	8,9	395,796	0,2
	Sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	28,977	-8,3	36,465	25,8	798,428	4,6
Thực phẩm chế biến	Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật; và các sản phẩm lấy từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc thực vật; mỡ chế biến làm thực phẩm; các loại sáp động hoặc thực vật	4,946	-79,9	9,523	92,6	1,376,397	0,7
	Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	209,692	1,7	188,652	-10	961,115	19,6
	Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	93,660	39,9	90,077	3,8	1,210,407	7,4
	Các sản phẩm chế biến ăn được khác	22,927	26	24,586	7,2	2,457,466	1,0
Đồ uống	Đồ uống, rượu và giấm	4,173	-10,6	5,519	32,3	1,280,674	0,4

Nguồn: Hiệp hội Ngoại thương Hàn Quốc (KITA)

1. Tổng quan về thị trường bánh kẹo Hàn Quốc

- Theo quy định về mã thực phẩm food code, bánh kẹo được định nghĩa gồm các loại bánh, kẹo và kẹo cao su được chế biến từ nguyên liệu chính là bột ngũ cốc, đường, trứng, sữa và một số loại chất phụ gia thực phẩm theo quy định.
- Thị trường bánh kẹo Hàn Quốc có thể được phân thành 2 phân khúc thị trường chính là thị trường các loại kẹo (mã HS 1704) và thị trường các loại bánh mỳ và bánh quy (mã HS 1905).

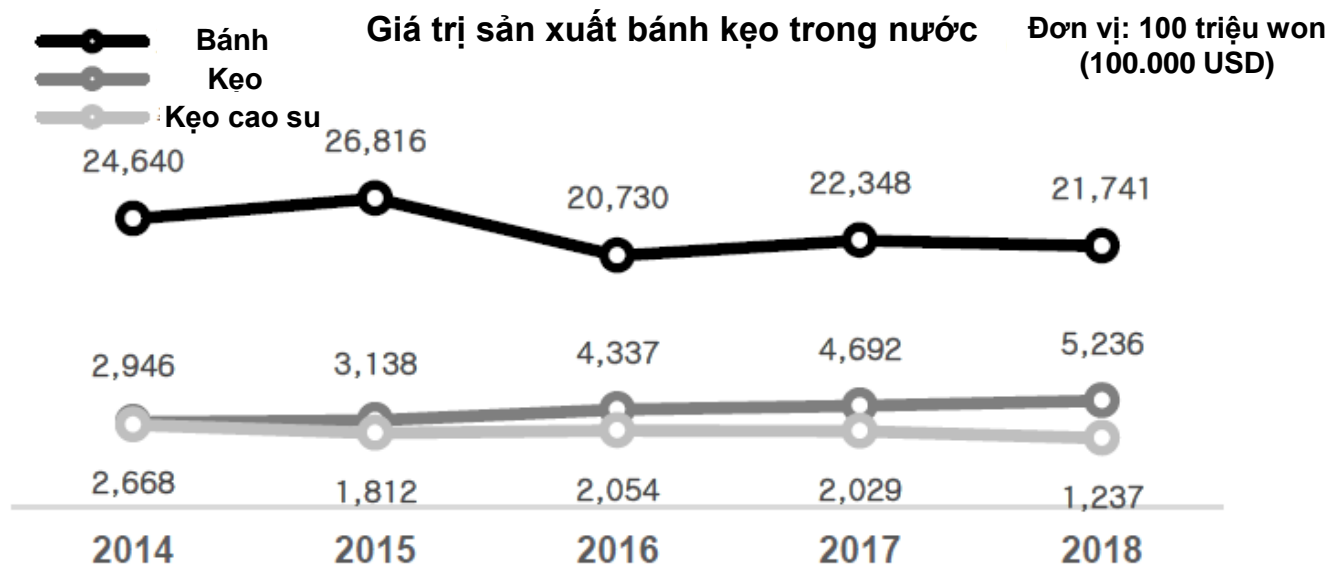
Mã HS	Mặt hàng	Mô tả
1704.10.0000	Kẹo cao su	Kẹo
1704.90.1000-9000	Kẹo caramel, kẹo cứng, kẹo mềm,...	
1905.10.0000	Bánh mỳ giòn	Bánh
1905.20.0000	Bánh mỳ gia vị	
1905.31.0000-32.0000	Bánh quy, bánh waffle	
1905.90.1010-90	Các loại bánh nướng khác	

2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Quy mô thị trường bánh kẹo của Hàn Quốc đã giảm từ 3,1 tỷ USD năm 2015 xuống còn 2,8 tỷ USD vào năm 2018 (giảm 6,7%).

- Đối tượng tiêu thụ chính là thanh thiếu niên giảm;
- Thị trường bánh ngọt, bánh mì và đồ ăn nhanh tăng mạnh;
- Tuy nhiên, sản lượng kẹo (kẹo jelly) có xu hướng tăng. Nguyên nhân được chỉ ra là kẹo jelly đang thay thế dần kẹo cao su do có lợi cho sức khỏe hơn.

Các công ty có thị phần lớn trên thị trường là Lotte Confectionery, Orion Confectionery, Haitai Confectionery và Crown Confectionery. Các công ty có thị phần nhỏ hơn gồm có Nong Shim và Dongsuh.



	2014	2015	2016	2017	2018
Bánh	24,640	26,816	20,730	22,348	21,741
Kẹo	2,946	3,138	4,337	4,692	5,236
Kẹo cao su	2,668	1,812	2,054	2,029	1,237
Tổng cộng	30,254	31,765	27,121	29,070	28,214

Nguồn: Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm

2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Nhập khẩu các mặt hàng bánh kẹo của Hàn Quốc

Đơn vị: 1.000USD, MT

Nhóm hàng		Giá trị (USD)		Khối lượng (MT)	
		2019	2020	2019	2020
Kẹo	A	2.288	2.599	253	338,0
	B	233.147	219.780	46.002	43.044
	NK Kẹo	235.435	222.379	46.255	43.382
Bánh	C	20	71	5,0	16,0
	D	40	45	3,4	7,0
	E	66.997	68.725	15.592,0	15.706,0
	F	30.984	30.853	6.104,0	6.071,0
	G	240.619	247.859	58.356,0	58.519,0
	NK Bánh	338.660	347.553	80.060	80.319

Ghi chú:

A: kẹo cao su (HS 1704.10.0000),

B: kẹo caramel, kẹo cứng, kẹo mềm,... (HS 1704.90),

C: bánh mì giòn (HS 1905.10.0000),

D: bánh mì gia vị (HS 1905.20.0000);

E: bánh quy ngọt (1905.31.0000),

F: waffle (1905,32,0000),

G: các loại bánh nướng khác (HS 1905.90).

2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Nhập khẩu kẹo caramel, kẹo cứng, kẹo mềm của Hàn Quốc (mã HS 1704.90)

Đơn vị: 1.000USD, MT

STT	Quốc gia	2019		2020		Tỷ trọng (KN năm 2020)
		KN	KL	KN	KL	
	Tổng	233.147	46.002	219.780	43.044	100,0
1	Đức	58.840	11.520	57.222	11.411	26,0
2	Trung Quốc	48.702	10.644	44.912	9.894	20,4
3	Hoa Kỳ	21.210	2.118	18.494	1.682	8,4
4	Tây Ba Nha	11.717	2.413	17.036	2.889	7,7
5	Việt Nam	11.320	1.790	11.368	1.784	5,1
6	Thổ Nhĩ Kỳ	5.925	1.907	11.070	3.114	5,0
7	Bỉ	12.628	2.839	10.975	2.416	4,9
8	Thái Lan	8.466	1.545	7.099	1.291	3,2
9	Nhật Bản	15.302	1.474	6.833	759	3,1
10	Malaysia	6.868	1.898	5.179	1.403	2,3

2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Nhập khẩu bánh quy của Hàn Quốc (mã HS 1905.31.0000)

Đơn vị: 1.000USD, MT

STT	Quốc gia	2019		2020		Tỷ trọng (KN năm 2020)
		KN	KL	KN	KL	
	Tổng	66.997	15.592,0	68.725	15.706,0	100,0
1	Indonesia	9.422	2.663,0	9.453	2.652,0	13,7
2	Bỉ	6.442	1.762,0	6.481	1.722,0	9,4
3	Hoa Kỳ	6.869	1.168,0	6.445	1.052,0	9,3
4	Malaysia	4.368	1.192,0	4.715	1.274,0	6,8
5	Trung Quốc	4.905	1.415,0	4.695	1.317,0	6,8
6	Đức	5.356	1.296,0	4.679	1.179,0	6,8
7	Thái Lan	3.131	467,0	4.431	919,0	6,4
8	Hà Lan	3.948	1.268,0	4.034	1.225,0	5,8
9	Pháp	3.657	371,0	4.024	366,0	5,8
10	Hong Kong	1.948	70,0	2.473	72,0	3,4
.....						
14	Việt Nam	605	218,0	1.694	562,0	2,5

2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Nhập khẩu bánh waffle của Hàn Quốc (mã HS 1905.32.0000)

Đơn vị: 1.000USD, MT

STT	Quốc gia	2019		2020		Tỷ trọng (KN năm 2020)
		KN	KL	KN	KL	
	Tổng	30.984	6.104,0	30.853	6.071,0	100,0
1	Ý	4.168	642,0	5.370	835,0	17,4
2	Indonesia	5.233	1.461,0	4.626	1.211,0	15,0
3	Áo	4.721	763,0	3.937	628,0	12,7
4	Malaysia	3.041	622,0	3.845	761,0	12,4
5	Bỉ	1.721	422,0	2.704	627,0	8,7
6	United Arab Emirates	172	48,0	2.322	362,0	7,5
7	Đức	333	63,0	871	164,0	2,8
8	Phần Lan	913	251,0	869	222,0	2,8
9	Trung Quốc	1.046	254,0	838	204,0	2,7
10	Thổ Nhĩ Kỳ	1.184	220,0	781	179,0	2,5
					
13	Việt Nam	397	109,0	622	167,0	2,0

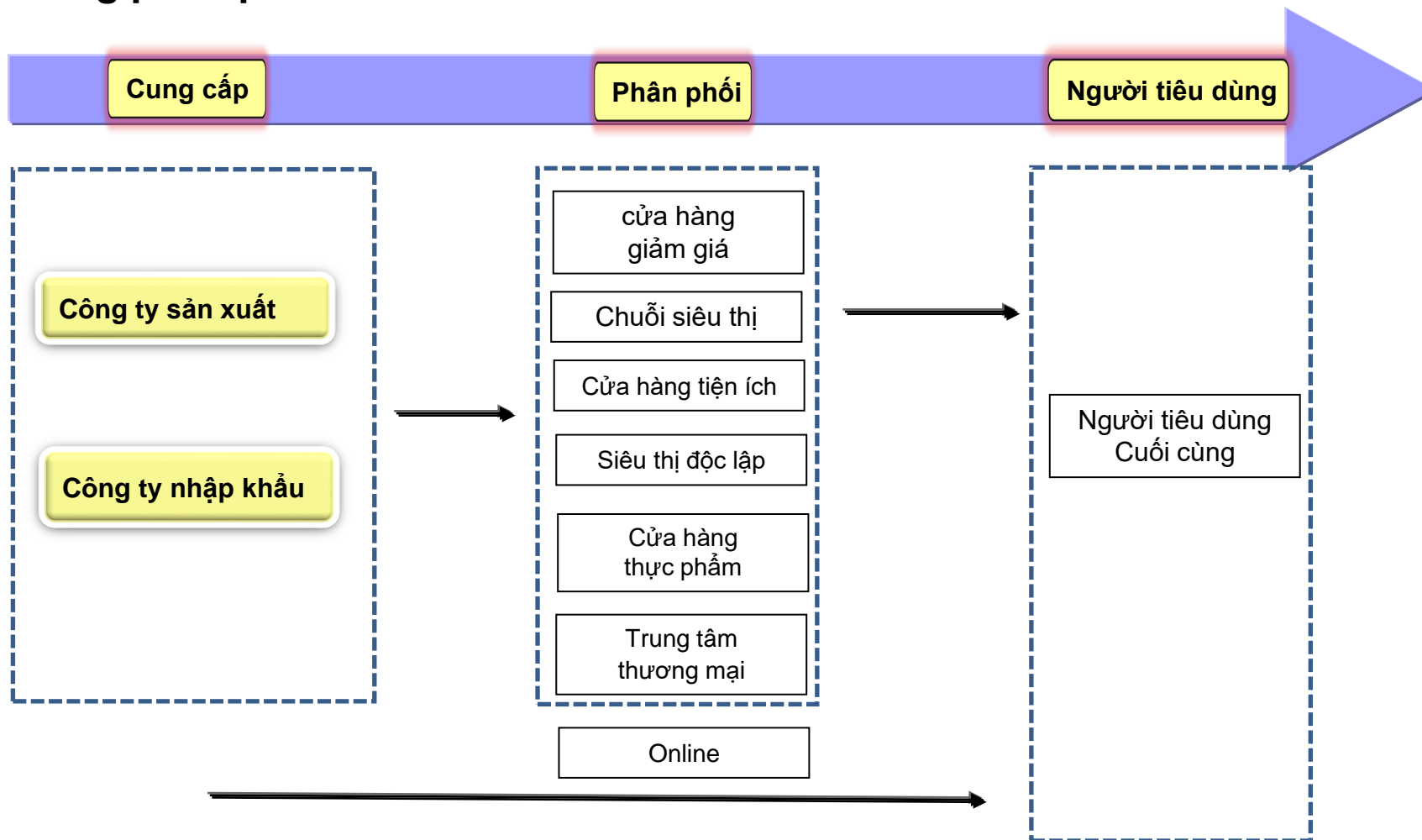
2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu bánh kẹo của Hàn Quốc

Nhập khẩu các loại bánh nướng khác của Hàn Quốc (mã HS 1905.90)

Đơn vị: 1.000USD, MT

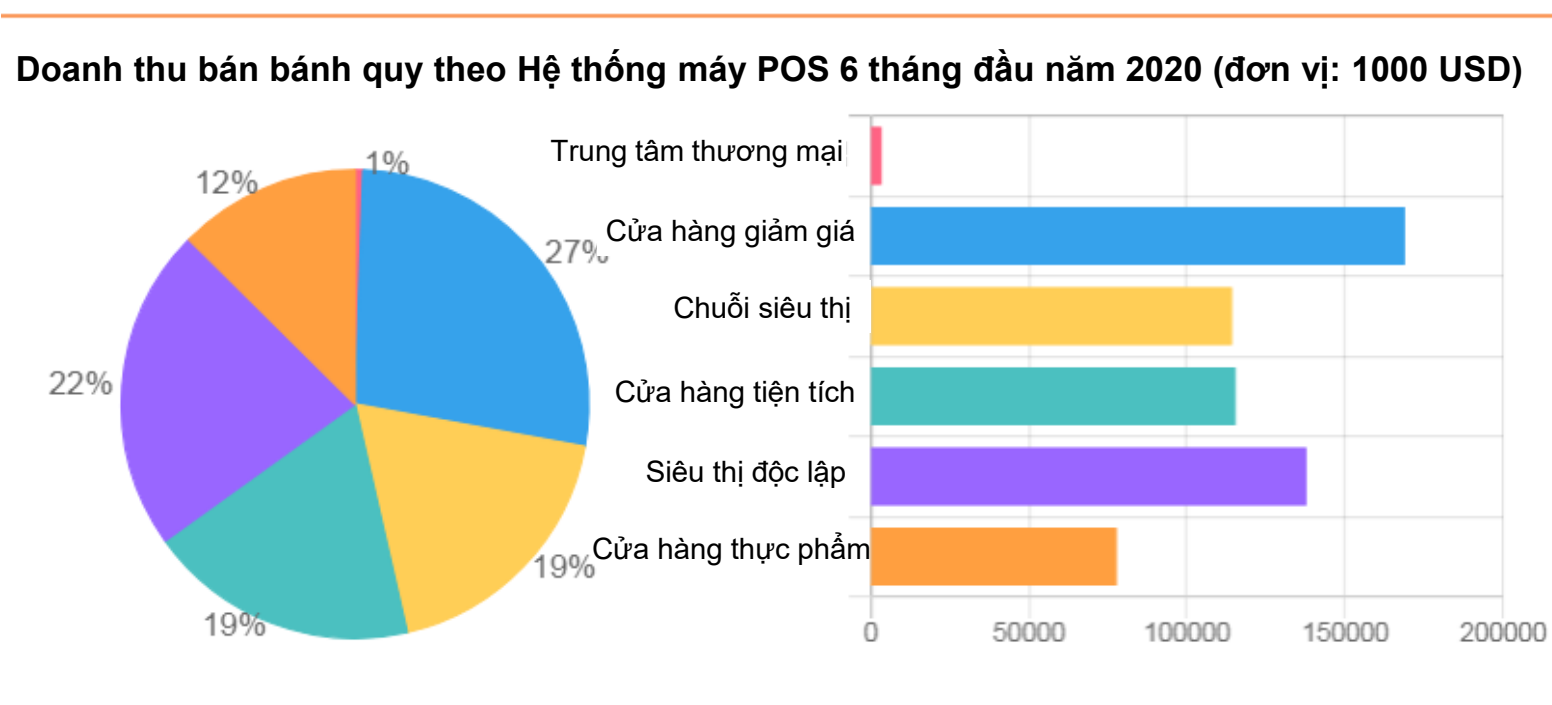
STT	Quốc gia	2019		2020		Tỷ trọng (KN năm 2020)
		KN	KL	KN	KL	
	Tổng	240.619	58.356,0	247.859	58.519,0	100,0
1	Malaysia	48.514	11.505,0	54.817	11.407,0	22,1
2	Hoa Kỳ	46.015	9.788,0	50.278	9.371,0	20,3
3	Trung Quốc	41.015	13.840,0	40.755	13.091,0	16,4
4	Việt Nam	9.914	3.997,0	14.386	5.527,0	5,8
5	Pháp	10.705	1.797,0	11.334	2.016,0	4,6
6	Ý	8.073	1.627,0	10.024	1.952,0	4,0
7	Đài Loan	10.735	1.892,0	9.956	1.665,0	4,0
8	Nhật Bản	17.732	1.566,0	8.934	646,0	3,6
9	Đức	11.840	1.513,0	8.399	1.295,0	3,4
10	Philippine	7.313	2.104,0	5.678	1.631,0	2,3

3. Kênh lưu thông phân phối



Kênh phân phối lưu thông mặt hàng bánh kẹo Hàn Quốc chủ yếu theo hình thức B2C.

Phân loại	Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 Đơn vị: 1000 USD	Trung tâm thương mại	Cửa hàng giảm giá	Chuỗi siêu thị	Cửa hàng tiện ích	Siêu thị độc lập	cửa hàng thực phẩm
Bánh quy	617,498	3,409	168,880	114,279	115,363	137,804	77,764



Nguồn: Tổng thống kê công nghiệp thực phẩm Hàn Quốc

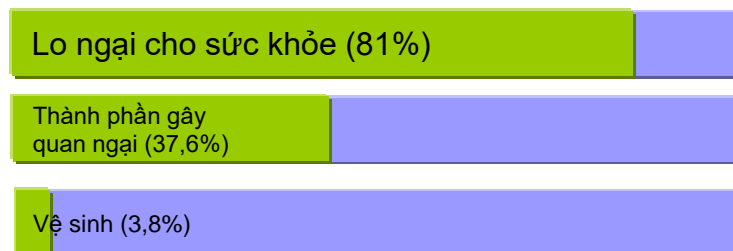
4. Đặc tính tiêu dùng

Mức độ kỳ vọng cao đối với hương vị & Cân nhắc lựa chọn giữa vị ngon và sức khỏe

Những nội dung kỳ vọng khi mua bánh



Những nội dung quan ngại khi mua bánh



Hương vị

	
Sack Lotte Confectionery	Sack Orion Confectionery

Đóng gói

	
Nong shim Confectionery	롯데제과 꼬깔콘 PLAY Sack Lotte Confectionery

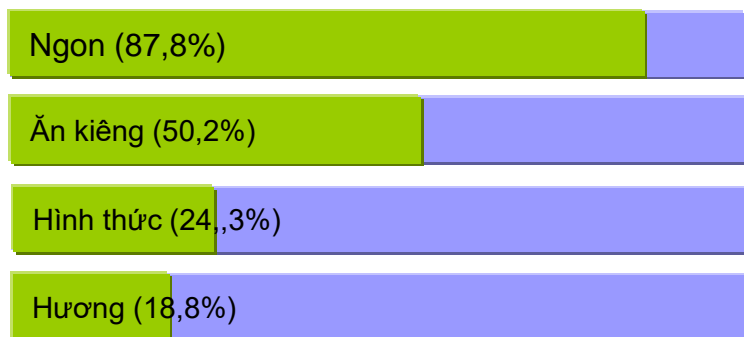
Ngon và tốt cho sức khỏe

	
Dole	Orion Confectionery

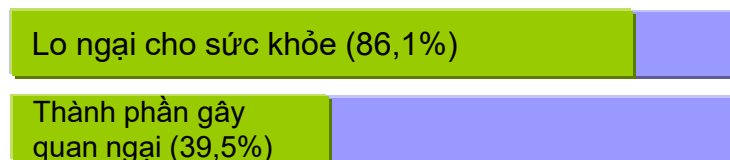
4. Đặc tính tiêu dùng

Thích các loại Jelly dai, giòn, nhiều vitamin & Lo ngại sâu răng, tiểu đường, mất cân đối cơ hàm

Những nội dung kỳ vọng khi mua Jelly



Những nội dung quan ngại khi mua Jelly



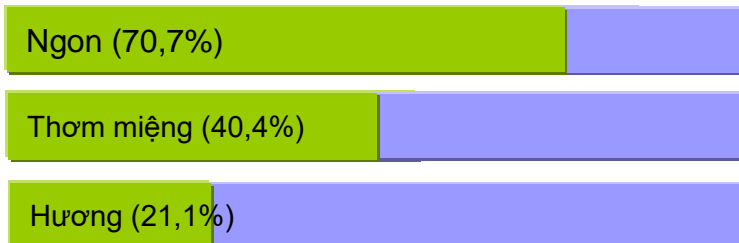
	
Orion Confectionery	Haitai Confectionery

	
Orion Confectionery	Lotte Confectionery

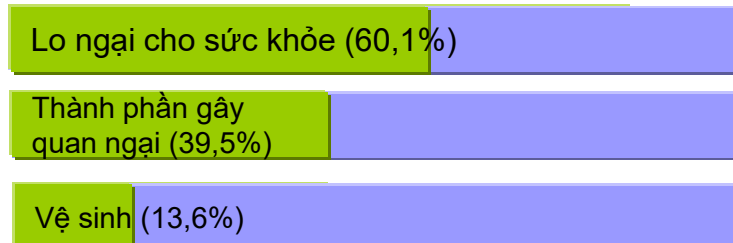
	
Công ty dược DongA	Công ty dược Kwangdong

Kẹo cao su: Vị ngon, thơm miệng & Mát cân đối cơ hàm

Những nội dung kỳ vọng khi mua kẹo cao su

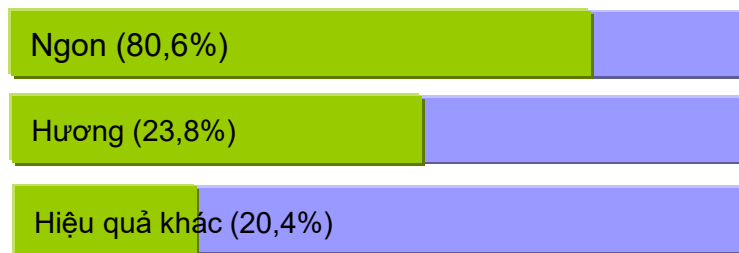


Những nội dung quan ngại khi mua kẹo cao su

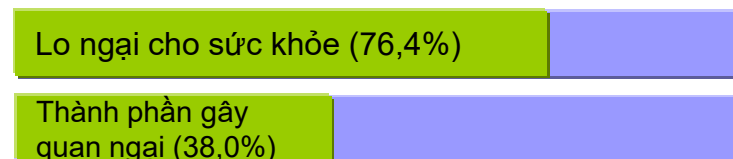


Kẹo: vị ngon, hương thơm & Lo ngại sâu răng

Những nội dung kỳ vọng khi mua kẹo



Những nội dung quan ngại khi mua kẹo



5. Các vấn đề chính cần lưu ý

5.1. Thủ tục nhập khẩu

Thủ tục nhập khẩu các mặt hàng bánh kẹo vào Hàn Quốc có thể tóm tắt như sau:

Thông báo kinh doanh và nhập khẩu thực phẩm

(Đối với việc nhập khẩu thực phẩm, theo Luật An toàn Vệ sinh Thực phẩm của Hàn Quốc, công ty nhập khẩu trước tiên phải thông báo cho Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc về việc họ tiến hành kinh doanh và nhập khẩu thực phẩm)

Khai báo nhập khẩu thực phẩm

(Việc khai báo được thực hiện với cơ quan an toàn thực phẩm và dược phẩm hoặc cơ quan kiểm dịch tại cửa khẩu. Các nội dung khai báo có thể bao gồm nước xuất xứ, nhãn tiếng Hàn, quy trình chế biến, bảng kê các thành phần,...)

Giám định thực phẩm do cơ quan an toàn thực phẩm và dược phẩm tiến hành

(Việc giám định được thực hiện trên hồ sơ và trong phòng thí nghiệm theo những quy tắc được quy định trong Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm)

Khai báo hải quan

(Sau khi thực phẩm nhập khẩu đã được tiến hành kiểm tra giám định, công ty nhập khẩu cần tiến hành khai báo hải quan để được thông quan lô hàng)

5. Các vấn đề chính cần lưu ý

5.2. Các quy định về dán nhãn tại Hàn Quốc

- Không có quy định bắt buộc về việc dán nhãn chứng nhận đối với các mặt hàng bánh kẹo.
- Tuy nhiên, Hàn Quốc có nhiều dấu chứng nhận chất lượng liên quan đến thực phẩm mà có thể có ích khi phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Một số nhãn chính bao gồm:

+ HACCP do Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) và Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn (MAFRA) đồng chứng nhận.

+ GH-Good of Health: Nhãn chứng nhận về sức khỏe do Viện Phát triển Y tế, một tổ chức thuộc chính phủ, cấp cho những sản phẩm chất lượng thuộc các lĩnh vực thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, thiết bị y tế, hàng hóa phục vụ sinh hoạt gia đình, thiết bị điện tử.

+ Dấu chứng nhận ISO 22000: là dấu chứng nhận liên quan đến hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, có phạm vi bao trùm toàn bộ quá trình kinh doanh sản xuất từ mua nguyên liệu thô cho đến tiêu thụ với mục đích nâng cao cơ chế quản lý an toàn vệ sinh và tạo dựng niềm tin từ người tiêu dùng.



5. Các vấn đề chính cần lưu ý

5.3. Một số lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc

- Đảm bảo các thông tin ghi bằng tiếng Hàn theo yêu cầu của Luật An toàn Vệ sinh Thực phẩm tương ứng với những nguyên liệu thực tế trong sản phẩm được xuất khẩu;
- Cần rà soát xem việc dán nhãn có phù hợp với những yêu cầu quy định trong Luật An toàn Vệ sinh Thực phẩm hay không;
- Cần xác định xem những thông tin ghi trên nhãn có đúng và phù hợp với nội dung trong hồ sơ đã thông báo hay không (về thành phần nguyên liệu, quy trình sản xuất,...);
- Khi xuất khẩu bánh kẹo sang thị trường Hàn Quốc còn cần lưu ý đến vấn đề thương hiệu.

5. Các vấn đề chính cần lưu ý

5.4. Thuế nhập khẩu và thuế nội địa

- Thuế nhập khẩu:
Theo cam kết của Hàn Quốc trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Hàn Quốc mà cả Việt Nam và Hàn Quốc đều là thành viên, thuế suất nhập khẩu đối với hầu hết các sản phẩm bánh kẹo từ Việt Nam vào Hàn Quốc đều là 0%;
- Thuế nội địa:
Các sản phẩm bánh kẹo tại Hàn Quốc chịu thuế giá trị gia tăng là 10%. Thuế giá trị gia tăng được tính là 10% trên trị giá tính thuế. Theo quy tắc chung, trị giá tính thuế giá trị gia tăng là giá nhập khẩu (bao gồm cả cước vận chuyển và chi phí bảo hiểm) cộng với thuế nhập khẩu và cộng với các loại thuế nội địa khác nếu có như thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế rượu.

6. Một số thông tin hữu ích

Danh sách các cơ quan quản lý nhà nước của Hàn Quốc có liên quan đối với nhập khẩu bánh kẹo

Cơ quan	Bộ phận chức năng	Nhiệm vụ	Trang chủ
Hải quan Hàn Quốc	Ban Tạo thuận lợi thông quan	Thông quan	www.customs.go.kr
Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm	Vụ Chính sách nhập khẩu Thực phẩm	Kiểm tra giám định thực phẩm, chứng nhận chất lượng	www.mfds.go.kr
Cục Kiểm dịch Động Thực vật	Phòng Kiểm dịch nhập khẩu	Kiểm dịch thực phẩm	www.qia.go.kr
Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn	VP Chính sách Công nghiệp Thực phẩm	Chứng nhận chất lượng	www.mafra.go.kr

Danh sách các tổ chức liên quan đến ngành bánh kẹo

Tổ chức	Website
Hiệp hội Công nghiệp Thực phẩm	www.kfia.or.kr
Viện Nghiên cứu Thực phẩm	www.kfri.re.kr
Hội Khoa học và Công nghệ Thực phẩm	www.kosfost.or.kr
Cổng thông tin Công nghiệp Thực phẩm	www.atfis.or.kr
Thông tin Thực phẩm	www.foodnews.co.kr
Thông tin Thương mại Nông ngư nghiệp	www.atnews.co.kr

Danh sách các Hội chợ lớn liên quan đến sản phẩm bánh kẹo

Hội chợ	Thời gian tổ chức (Quý)				Công ty tham gia		Số lượng khách mua hàng	
	I	II	III	IV	H.Quốc	Q.té	H.Quốc	Q.té
Seoul Food		x			650	400	25.000	1.200
Busan Food		x			120	30	4.000	150
Gwangju Food				x	135	40	2.500	65
Foodweek				x	410	20	12.000	170
IGF		x			5	130	8.000	200
Seoul Int. Bakery Fair		x			50	30	-	-

Danh sách các doanh nghiệp nhập khẩu trên 1 triệu USD mã HS 1704

Công ty	Điện thoại	Website
Nong shim Co.	82-2-820-7114	www.nongshim.co.kr
Chun ha Co. Ltd	82-2-3431-0100	www.chun-ha.co.kr
Yes Co.	82-31-266-2270	www.yeshs.com
United Food Co.	82-2-6300-2250	www.unitedfood.co.kr
E-max Trading Co.	82-2-428-0034	www.emaxtrading.co.kr
Jewon International Co	82-2-998-5151	www.jewon1986.com
Samkyoung F.S. Co.	82-2-2058-0140	www.samkyoung.com
Crown Confectionary Co.	82-2-3415-2854	www.crown.co.kr

Danh sách các doanh nghiệp nhập khẩu trên 1 triệu USD mã HS 1905

Công ty	Điện thoại	Website
Crown Confectionary Co.	82-2-3415-2854	www.crown.co.kr
Sinhwa Pop-Village Co.	82-2-579-8934	www.shpop.co.kr
Yes Co.	82-31-266-2270	www.yeshs.com
Paris Croissant Co.	82-31-740-5500	www.paris.co.kr
E-max Trading Co.	82-2-428-0034	www.emaxtrading.co.kr
Choco Cyber Co.	82-2-597-1090	www.chococyber.co.kr
Korea Food Services Co.	82-41-539-3843	www.kfsc.co.kr
Cheil Access Co.	82-2-598-0803	www.cheilaccess.com
Lotte Confectionery Co.	82-2-2670-6305	www.lotteconf.co.kr
Haitai Confectionery & Foods Co.	82-2-709-7586	www.ht.co.kr
Orion Corp	82-2-710-6006	www.orionworld.co.kr
Dongsuh Companies Inc.	82-2-716-7731	www.dongsuh.co.kr
Korean Airlines Co.	82-2-2656-7154	www.koreanair.co.kr
CJ Freshway Corp	82-51-260-0262	www.cjfreshway.com
Binggurae	82-31-560-8303	www.bing.co.kr
Dongsuh Foods Corporation	82-32-526-3111	www.dongsuh.co.kr



THANK YOU